

**BIỂU 4: TỔNG HỢP THIẾT HẠI VÀ NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI**

(Kèm theo Thông báo số 126/TB-UBND ngày 03/7/2026 của UBND xã Hợp Thành)

| STT | Địa phương | TỔNG HỢP THIẾT HẠI                 |                                                                                                       |                                                                                                                                      |                                  |                                                                      |                                                                     |                                                                                                       |                                                                                                                                      |                                  |                                                                      |                                                                     | KINH PHÍ HỖ TRỢ |                              |                                                            |                                                      |                                   |
|-----|------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     |            | Tổng giá trị thiệt hại (tr.đồng g) | DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%                                                                           |                                                                                                                                      |                                  |                                                                      | DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%                                    |                                                                                                       |                                                                                                                                      |                                  |                                                                      |                                                                     |                 | Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ | Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, tỉnh | Số đã thực hiện hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương | Nhu cầu kinh phí hỗ trợ còn thiếu |
|     |            |                                    | Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác | Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng ồ ồ lớn trên | Diện tích vườn giống, rừng giống | Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm                |                                                                     | Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác | Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng ồ ồ lớn trên | Diện tích vườn giống, rừng giống | Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm                |                                                                     |                 |                              |                                                            |                                                      |                                   |
|     |            |                                    |                                                                                                       |                                                                                                                                      |                                  | Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi | Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi |                                                                                                       |                                                                                                                                      |                                  | Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi | Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi |                 |                              |                                                            |                                                      |                                   |
|     |            | Triệu đồng                         | ha                                                                                                    | ha                                                                                                                                   | ha                               | ha                                                                   | ha                                                                  | ha                                                                                                    | ha                                                                                                                                   | ha                               | ha                                                                   | ha                                                                  | tr.đồng         | tr.đồng                      | tr.đồng                                                    | tr.đồng                                              |                                   |
|     | 1          | 2                                  | 3                                                                                                     | 4                                                                                                                                    | 5                                | 6                                                                    |                                                                     | 7                                                                                                     | 8                                                                                                                                    | 9                                |                                                                      | 10                                                                  | 11,00           | 12                           | 13                                                         | 14                                                   |                                   |
|     |            |                                    | 26,82190                                                                                              | 52,49010                                                                                                                             | 0                                | 0,00950                                                              | 0                                                                   | 5,20400                                                                                               | 12,96630                                                                                                                             | 0                                | 0                                                                    | 0                                                                   | 1120,3700       | 0                            | 0                                                          | 1120,370                                             |                                   |
| 1   | Na Dâu     | 24                                 | 0,94                                                                                                  | 3,06                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 0,75                                                                                                  | 0,00                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 56,49           | 0,00                         | 0,00                                                       | 56,49                                                |                                   |
| 2   | Đồng Rôm   | 14                                 | 0,24                                                                                                  | 0,98                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 0,78                                                                                                  | 0,68                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 24,85           | 0,00                         | 0,00                                                       | 24,85                                                |                                   |
| 3   | Đầm Rum    | 99                                 | 11,57                                                                                                 | 13,88                                                                                                                                | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 0,70                                                                                                  | 3,04                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 326,23          | 0,00                         | 0,00                                                       | 326,23                                               |                                   |
| 4   | Bản Đông   | 38                                 | 6,54                                                                                                  | 0,00                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 0,00                                                                                                  | 0,40                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 55,36           | 0,00                         | 0,00                                                       | 55,36                                                |                                   |
| 5   | Ồn Lương   | 75                                 | 3,14                                                                                                  | 17,13                                                                                                                                | 0,00                             | 0,01                                                                 | 0,00                                                                | 0,42                                                                                                  | 3,78                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 312,42          | 0,00                         | 0,00                                                       | 312,42                                               |                                   |
| 6   | Na Pằng    | 26                                 | 0,7                                                                                                   | 9,897                                                                                                                                | 0                                | 0                                                                    | 0                                                                   | 0                                                                                                     | 1,126                                                                                                                                | 0                                | 0                                                                    | 0                                                                   | 162,5           | 0                            | 0                                                          | 162,5                                                |                                   |
| 7   | Khau Lai   | 18                                 | 0,35                                                                                                  | 4,82                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 0,21                                                                                                  | 0,40                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 78,87           | 0,00                         | 0,00                                                       | 78,87                                                |                                   |
| 8   | Tiến Bộ    | 9                                  | 0                                                                                                     | 0                                                                                                                                    | 0                                | 0                                                                    | 0                                                                   | 0                                                                                                     | 1,6931                                                                                                                               | 0                                | 0                                                                    | 0                                                                   | 12,69825        | 0                            | 0                                                          | 12,69825                                             |                                   |
| 9   | Phủ Thành  | 9                                  | 0                                                                                                     | 0,25                                                                                                                                 | 0                                | 0                                                                    | 0                                                                   | 1,57                                                                                                  | 0,5819                                                                                                                               | 0                                | 0                                                                    | 0                                                                   | 14,39425        | 0                            | 0                                                          | 14,39425                                             |                                   |
| 10  | Mãn Quang  | 26                                 | 2,992                                                                                                 | 0,302                                                                                                                                | 0                                | 0                                                                    | 0                                                                   | 0                                                                                                     | 0,506                                                                                                                                | 0                                | 0                                                                    | 0                                                                   | 32,261          | 0                            | 0                                                          | 32,261                                               |                                   |
| 11  | Khuân Lân  | 21                                 | 0,20                                                                                                  | 2,18                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 0,77                                                                                                  | 0,71                                                                                                                                 | 0,00                             | 0,00                                                                 | 0,00                                                                | 42,72           | 0,00                         | 0,00                                                       | 42,72                                                |                                   |
| 12  | Đồng Chợ   | 2                                  | 0,15                                                                                                  | 0                                                                                                                                    | 0                                | 0                                                                    | 0                                                                   | 0                                                                                                     | 0,05                                                                                                                                 | 0                                | 0                                                                    | 0                                                                   | 1,575           | 0                            | 0                                                          | 1,575                                                |                                   |